

CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở **PHÒNG KHÁM ĐA KHOA**
SÀI GÒN PHƯỚC HẬU



Châu Thành, tháng 9 năm 2023

CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở PHÒNG KHÁM
ĐA KHOA SÀI GÒN PHƯỚC HÙNG**

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH
Y KHOA PHƯỚC HÙNG**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN**



Nguyễn Anh Tuấn



Lê Chí Thiện

Châu Thành, tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC BẢNG.....	iv
DANH MỤC HÌNH.....	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.Tên chủ cơ sở.....	1
2.Tên cơ sở.....	1
3.Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	3
4.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	4
5.Các thông tin khác liên quan khác.....	6
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	8
1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	8
2.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	8
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	11
2.Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	15
3.Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	16
4.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	17
5.Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	20
6.Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	20
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	23
1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	23
2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có.....	24
3.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không có.....	24

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “**Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu**”

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	25
1.Kết quả quan trắc môi trường nước thải	25
2.Kết quả quan trắc môi trường không khí	26
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	29
CỦA CƠ SỞ.....	29
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	29
2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	30
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	31
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	33
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	33
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	34

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	BTCT	Bê tông cốt thép
19	CTRYT	Chất thải rắn y tế

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh mục các loại hóa chất, vật tư.....	4
Bảng 2. Danh mục các thiết bị sử dụng tại phòng khám	5
Bảng 3. Quy mô các hạng mục công trình	7
Bảng 4. Tác động của nước thải đối với môi trường nước	9
Bảng 5. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí xung quanh cách phòng khám khoảng 100m theo hướng gió.....	10
Bảng 6. Khối lượng của từng loại chất thải nguy hại	19
Bảng 7. Số lượng bình chữa cháy bố trí tại cơ sở	21
Bảng 8. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý. 23	
Bảng 9. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại cơ sở	25
Bảng 10. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí của cơ sở	27
Bảng 11. Kế hoạch quan trắc nước thải đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải đã hoàn thành	29

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Sơ đồ vị trí tổng thể của cơ sở.....	2
Hình 2.	Quy trình hoạt động tại phòng khám	3
Hình 3.	Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại.....	12
Hình 4.	Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	13
Hình 5.	Một số hình ảnh thùng chứa chất thải rắn thông thường tại phòng khám	16
Hình 6.	Một số hình ảnh thùng phân loại chứa chất thải nguy hại và chất thải y tế của phòng khám.....	18
Hình 7.	Hình ảnh bố trí thiết bị chữa cháy tại cơ sở	21
Hình 8.	Hình ảnh thu mẫu môi trường tại thời điểm lập báo cáo	28

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG**
- Địa chỉ cơ sở: Đường 2/9, khóm 3, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Bà) Nguyễn Anh Thư.
Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 081 795 1088
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100666527 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 09/4/2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14/6/2021.

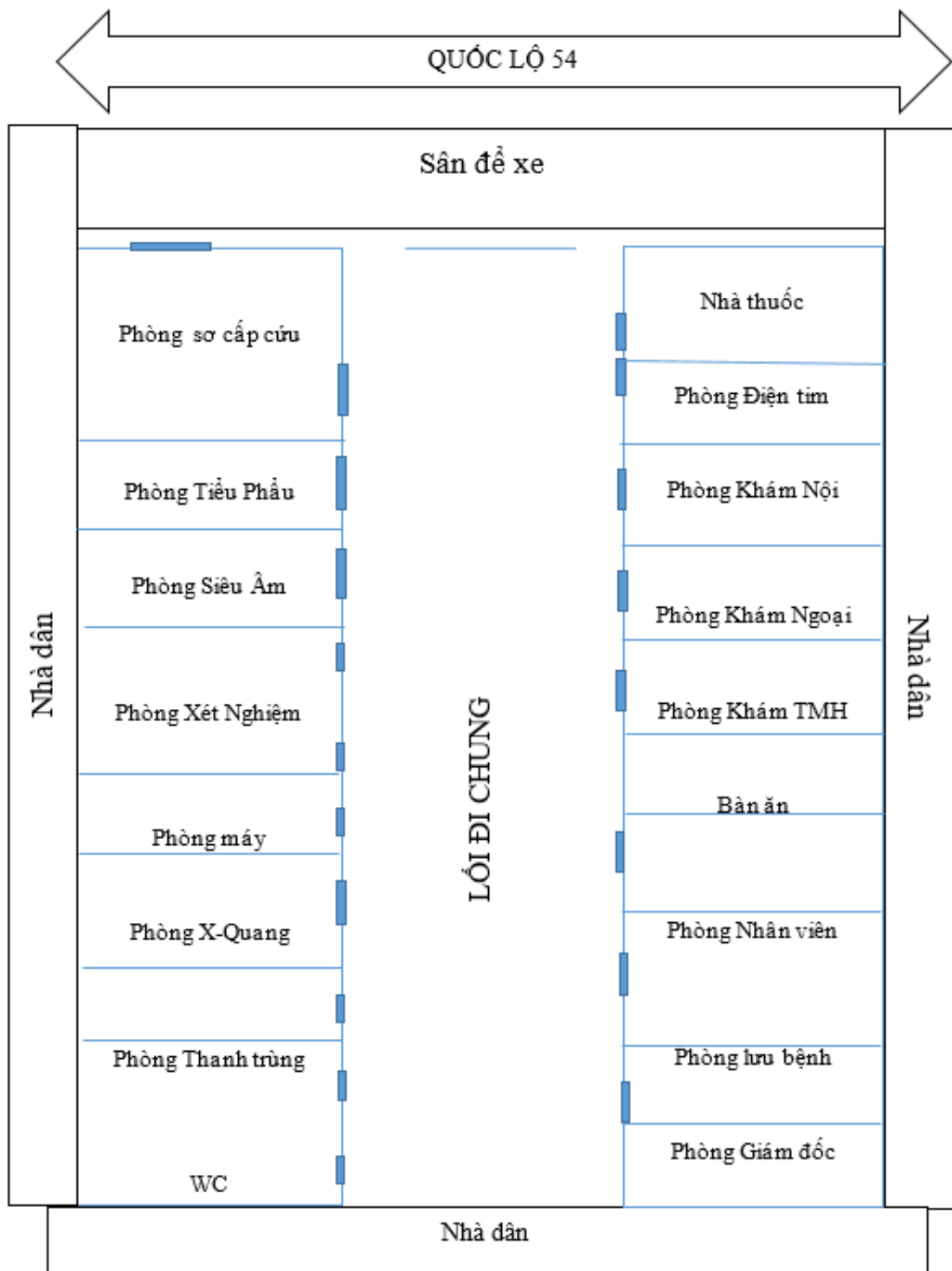
2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu**
 - Địa điểm cơ sở: Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu có địa chỉ tại đường 2/9, khóm 3, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (thửa đất số 421 tờ bản đồ số 16). Tứ cận tiếp giáp như sau:
 - + Phía Đông tiếp giáp: nhà dân
 - + Phía Tây tiếp giáp: Quốc lộ 54
 - + Phía Nam tiếp giáp: nhà dân
 - + Phía Bắc tiếp giáp: nhà dân
- Vị trí hoạt động của cơ sở được thể hiện trong sơ đồ sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

Hướng đi huyện Trà Cú

Hướng đi Trung tâm TP. Trà Vinh



Hình 1. Sơ đồ vị trí tổng thể của cơ sở

- Quy mô của cơ sở:

+ Căn cứ Luật Đầu tư công, Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu thuộc Khoản 4 Điều 10 và Khoản 1 mục V phần A Phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ với vốn đầu tư là 4.000.000.000

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện

Địa chỉ: Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0972 029 302

(Bằng chữ: Bốn tỷ đồng). Qua đó cơ sở được xác định là Nhóm C.

+ Căn cứ mục 2, Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở thuộc nhóm III.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Phòng tài nguyên và Môi trường xem xét và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy phép môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

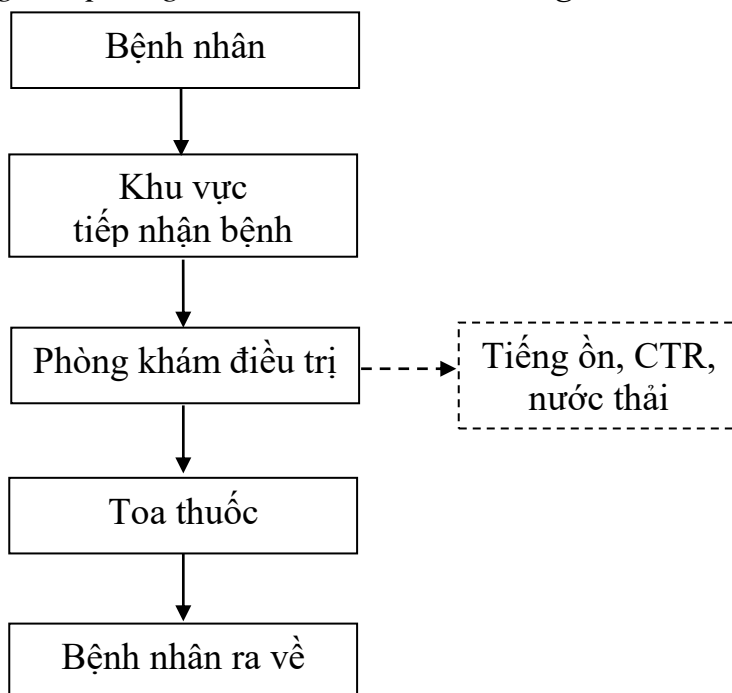
- Công suất hoạt động của cơ sở: Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu 300 lượt bệnh nhân/tháng;

- Số lượng nhân viên: 12 người.

- Quy mô: Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu có tổng diện tích xây dựng là 306,8 m² trên thửa đất số 421 tờ bản đồ số 16 loại đất ở tại đô thị toạ lạc tại đường 2/9, khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Quy trình hoạt động của phòng khám được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 2. Quy trình hoạt động tại phòng khám

Thuyết minh: Bệnh nhân sẽ liên hệ với bộ phận tiếp tân để trình bày yêu cầu khám chữa bệnh, sau khi tiếp nhận thông tin bộ phận tiếp tân sẽ xem xét bố trí bệnh nhân cho khoa khám chữa bệnh phù hợp.

Bệnh nhân khi đến phòng khám sẽ được thăm khám và điều trị bởi bác sĩ chuyên khoa, sau khi điều trị xong thì bệnh nhân ra về và tiếp tục thực hiện cho bệnh nhân khác.

Trong thười gian điều trị sẽ phát sinh nước thải từ hoạt động của nhân viên và bệnh nhân, đồng thời hoạt động điều trị cũng phát sinh chất thải rắn, nước thải,... Chủ cơ sở cũng áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý chơ từng nguồn thải phát sinh theo đúng quy định.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh cho bệnh nhân trên địa bàn và khu vực lân cận.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất

a) Hóa chất và vật tư sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh

Các loại hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ cho quá trình khám chữa bệnh của Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu đảm bảo không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

Danh mục các loại hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ cho quá trình khám chữa bệnh của Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu được liệt kê khái quát trong bảng sau:

Bảng 1. Danh mục các loại hóa chất, vật tư

STT	Tên hóa chất, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Lọ đựng máu, nước tiểu	Lọ/quý	1.000	Vật tư
2	Bông, băng, gạc y tế	Hộp/quý	10	Vật tư
3	Bơm tiêm và bơm hút các loại	Hộp/quý	10	Vật tư
4	Găng tay khám, xét nghiệm	Hộp/quý	10	Vật tư

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

STT	Tên hóa chất, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	Giấy in các loại (A4, A5)	Thùng	03	Vật tư
6	Tại nhà thuốc trang bị các loại thuốc tân dược chuyên về tim mạch như: thuốc hạ huyết áp, thuốc điều trị rối loạn nhịp tim, thuốc điều trị cơn đau thắt ngực, thuốc điều trị rối loạn lipid máu, thuốc chống kết tập tiểu cầu, thuốc kháng đông, thuốc tiểu đường, ...			

Nguồn: Công ty TNHH y khoa Phước Hùng, năm 2023

Bảng 2. Danh mục các thiết bị sử dụng tại phòng khám

STT	Tên thiết bị	Xuất Xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
1	Thiết bị X-quang thông thường, cố định	Việt Nam	2021	01	100%
2	Máy rửa phim tự động	Nhật Bản	2021	01	100%
3	Máy siêu âm màu	Hàn Quốc	2017	01	100%
4	Máy đo điện tim	Nhật Bản	2021	01	100%
6	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân Multi-Parameter Patient	Trung Quốc	2021	01	100%
7	Máy sinh hóa BIOELAB ES-200	Trung Quốc	2021	01	100%
8	Máy huyết học Hematology Analyzer	Trung Quốc	2021	01	100%
9	Máy phân tích nước tiểu	Trung Quốc	2020	01	100%
10	Máy ly tâm	Việt Nam	2021	01	100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

STT	Tên thiết bị	Xuất Xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
	Centrifuge				
11	Máy nội soi tai mũi họng	Việt Nam	2022	01	100%
12	Dao mổ điện – Máy đốt cổ tử cung	Ý	2020-2021	01	100%
13	Máy hút đờm cầm tay	Trung Quốc	2022	01	100%
14	Đèn Led phẫu thuật	Trung Quốc	2021	01	100%

Nguồn: Công ty TNHH y khoa Phước Hùng, năm 2023

b) Hóa chất và vật tư sử dụng trong công tác bảo vệ môi trường

Các loại hóa chất và vật tư sử dụng trong công tác bảo vệ môi trường tại Phòng khám đa Sài Gòn Phước Hậu bao gồm:

- Hóa chất lau sàn: 05 lít/tháng
- Nước lau kiếng: 02 lít/tháng
- Nước tẩy Javen: 02 lít/tháng

4.2. Nguồn cung cấp nước

- Nguồn cung cấp nước: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh.
- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở khoảng 43 m³/tháng phục vụ cho các hoạt động dịch vụ của cơ sở, sinh hoạt của nhân viên và bệnh nhân.

4.3. Nhu cầu về điện

- Nhu cầu sử dụng điện 8.642 kWh/tháng tương đương khoảng 1.728,4 kWh/tháng (*Số liệu thống kê hàng tháng, từ tháng 02/2023 đến tháng 06/2023 của Phòng khám*). Việc sử dụng điện phục vụ cho mục đích thắp sáng và hoạt động của các loại máy móc, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh của phòng khám.

5. Các thông tin khác liên quan khác

- Các hạng mục công trình chính tại cơ sở được xây dựng kiên cố tường gạch, mái lợp tôn, nền lót gạch men đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy phép xây dựng số 20/GPXD ngày 19/3/2021 bao gồm các hạng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

mục công trình sau:

Bảng 3. Quy mô các hạng mục công trình

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Diện tích
			(m ²)
A	Công trình chính		119
1	Phòng khám nội	1	10
2	Phòng khám ngoại	1	10
3	Phòng nhân viên	1	6
4	Phòng lưu bệnh	1	8
5	Phòng cấp cứu	1	19,6
6	Phòng tiểu phẫu	1	6,8
7	Phòng điện tim	1	4,2
8	Phòng siêu âm	1	11
9	Phòng xét nghiệm	1	8,5
10	Phòng X-Quang	1	14
11	Phòng điều khiển chụp X-Quang	1	4,6
12	Phòng tiệt trùng	1	4,3
13	Nhà thuốc	1	12
B	Công trình phụ trợ		187,8
14	Hệ thống xử lý nước thải	1	6
15	Nhà vệ sinh	1	25
16	Sảnh, sân, đường nội bộ	-	156,8
Tổng cộng			306,8

(Nguồn: Công ty TNHH y khoa Phước Hùng, năm 2023)

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.

Cơ sở đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100666527, đăng ký cấp lần đầu ngày 09/4/2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14/6/2021.

Cơ sở có Biên bản kiểm tra An toàn về PCCC, ngày 22/04/2022 xác nhận tại thời điểm kiểm tra cơ sở có thực hiện các biện pháp về PCCC theo quy định.

Vị trí xây dựng Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của địa phương, đảm bảo phù hợp Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh cụ thể như *“Phát triển mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế gắn liền với các cụm dân cư nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao”*.

- Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Do vậy, việc thực hiện của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu” là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cũng như phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Trong quá trình hoạt động của cơ sở Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu có phát sinh nước thải bao gồm:

+ Nước thải y tế phát sinh từ các hoạt động như lau rửa vết thương, lau chùi các dụng cụ y tế, tiểu phẫu, nước thải từ các phòng xét nghiệm, bệnh phẩm của bệnh nhân,... nước thải này chứa nhiều vi trùng vi khuẩn tiềm ẩn nguy cơ rất lớn gây lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm ra môi trường xung quanh.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ khu vực nhà vệ sinh phục vụ cho nhân viên, y bác sĩ và bệnh nhân tại phòng khám.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “**Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu**”

Nước thải y tế có chứa các chất ô nhiễm với thành phần khá phức tạp và nồng độ cao, nếu không được xử lý đạt quy chuẩn/tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường sẽ gây các tác động đến môi trường tiếp nhận nước thải và sức khỏe cộng đồng, cụ thể như:

Bảng 4. Tác động của nước thải đối với môi trường nước

STT	Thông số	Tác động
1	Các chất hữu cơ (BOD, COD)	- Giảm nồng độ oxy hoà tan trong nước - Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh
2	Chất rắn lơ lửng, chất rắn hòa tan	- Tăng độ đục của dòng nước, gây lắng đọng tại vị trí xả thải làm cản trở dòng chảy. - Ảnh hưởng đến chất lượng nước, tài nguyên thủy sinh.
3	Các chất dinh dưỡng (N, P)	- Gây hiện tượng phú dưỡng, ảnh hưởng tới chất lượng nước, sự sống thủy sinh.
4	Các vi khuẩn gây bệnh	- Nước thải có chứa các loại vi khuẩn gây bệnh như: + Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột. + E.coli (Escherichia Coli) là vi khuẩn thuộc nhóm Coliform, có nhiều trong phân người.
5	Dầu mỡ	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước, nồng độ oxy hoà tan trong nước. - Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh.

Nhằm đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B, K = 1,2 trước khi xả thải ra môi trường, Công ty TNHH Y khoa Phước Hùng đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 1 m³/ngày-đêm tại Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu vào năm 2022. Nước thải phát sinh từ cơ sở đã được xử lý trước khi xả vào cống công cộng trên đường 2/9 có chất lượng tốt, tất cả giá trị các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B, K = 1,2 nên không ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận. *(Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm phụ lục báo cáo)*

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Trong quá trình hoạt động Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu không phát sinh khí thải công nghiệp. Do đó, hoạt động của cơ sở không gây sức ép đến chất lượng môi trường không khí.

Tuy nhiên, nhằm có cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường không khí tại thời điểm lập báo cáo, Cơ sở có đã phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc hiện trạng môi trường không khí xung quanh tại khu vực cách phòng khám khoảng 100m theo hướng gió, kết quả như sau:

Bảng 5. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí xung quanh cách phòng khám khoảng 100m theo hướng gió

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	64,9	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,080	0,3	-
3	NO ₂	mg/m ³	0,068	0,2	-
4	SO ₂	mg/m ³	0,079	0,35	-

*** Ghi chú:**

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 06 giờ đến 21 giờ);
- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

Nhận xét: Môi trường không khí cách phòng khám khoảng 100m theo hướng gió có chất lượng tốt, tất cả thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

- Nước mưa từ phần mái của cơ sở sẽ được thu gom bằng ống nhựa sau đó chảy vào công cộng trên đường.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn:

+ Đường được bê tông hoá, vệ sinh sân bãi, đường nội bộ. Tần suất thực hiện 01 lần/ngày.

+ Các loại chất thải rắn được tập kết đúng nơi quy định, để hạn chế nguồn gây ô nhiễm cho nước mưa chảy tràn.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Nước thải phát sinh tại phòng khám khoảng $1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất $1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại cơ sở sau đó xả thải ra công cộng trên đường 2/9 bao gồm:

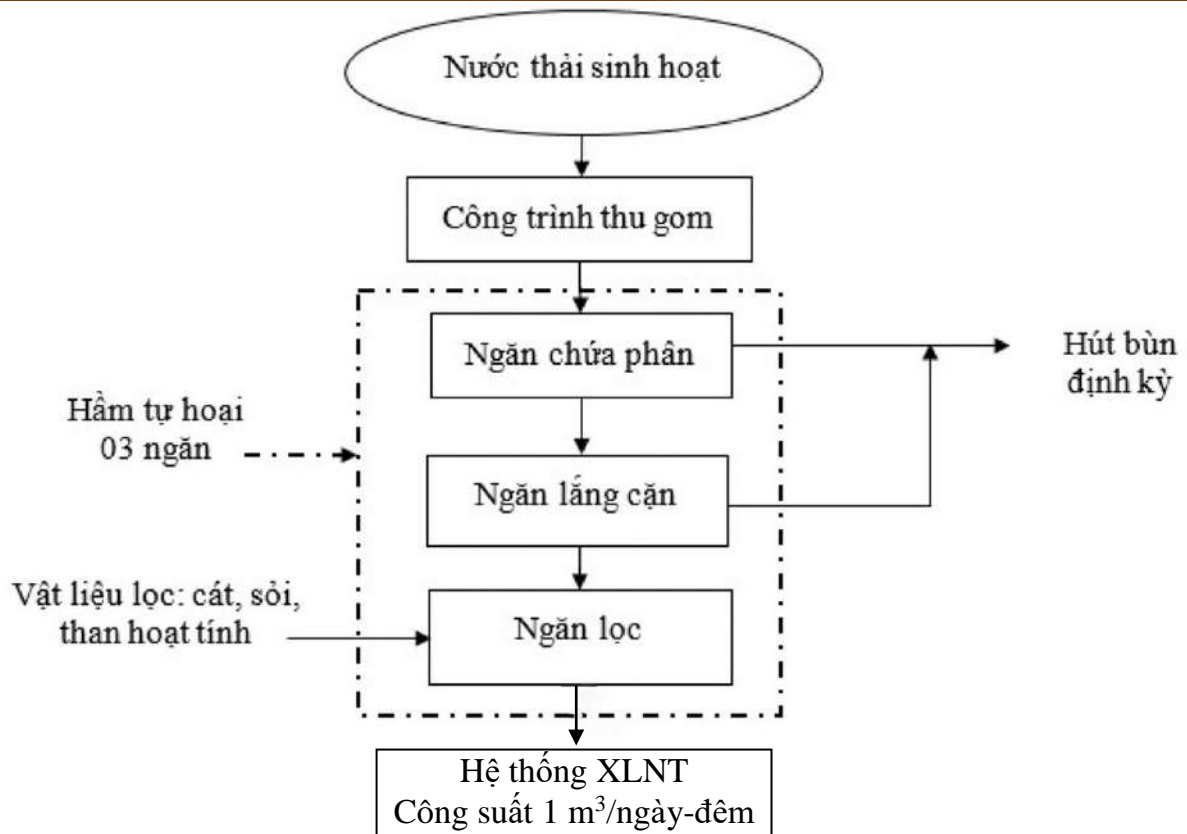
+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực vệ sinh của nhân viên và bệnh nhân được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở.

+ Nước thải y tế của cơ sở phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Xử lý nước thải

a) Hàm tự hoại 3 ngăn

- Trong quá trình hoạt động cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt toàn bộ sẽ được thu gom vào hàm tự hoại 03 ngăn xử lý cụ thể theo sơ đồ sau:



Hình 3. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại

* *Thuyết minh quy trình:* Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 02 chức năng bao gồm lắng và phân huỷ cặn lắng.

Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

+ Ngăn chứa và phân huỷ kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm $\frac{1}{2}$ tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối.

+ Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phân cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể và giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân huỷ các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân huỷ trong bể.

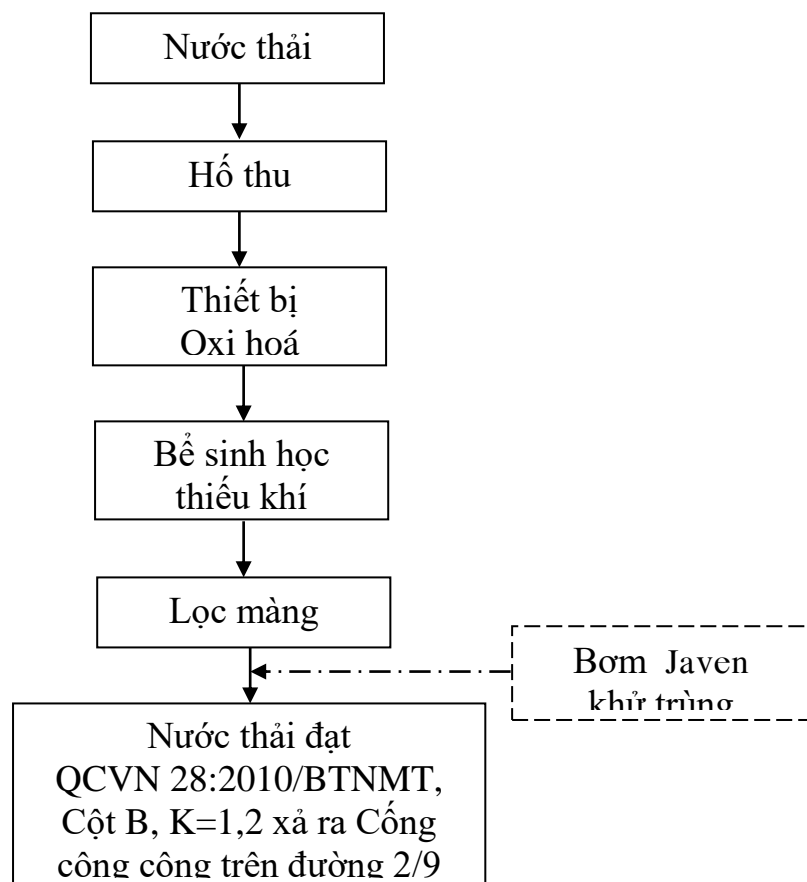
+ Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai ngăn lắng. Thể tích của ngăn lắng chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo,... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH_4 , CO_2 , H_2S , NH_3 ,...).

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn được thu gom và xử lý tiếp tục tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$.

- Xử lý bùn thải phát sinh từ hầm tự hoại: Thực hiện thuê đơn vị có chức năng hút bùn thải hầm tự hoại và xử lý đúng quy định.

b) Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $01 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$



Hình 4. Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thuyết minh quy trình: Nước thải y tế và nước thải sinh hoạt được thu gom vào hố thu. Bơm hố thu bơm tự động theo phao. Nước thải được bơm vào thiết bị xử lý. Máy Ozone sẽ được chạy tự động theo bơm thu gom. Sau đó nước thải sẽ tự chảy qua thiết bị xử lý sinh học thiếu khí và lọc sinh học. Thiết bị lọc sinh học có nhiệm vụ tách lọc các ô nhiễm trước khi xả ra ngoài được bơm hóa chất khử trùng Javen. Công nghệ khử trùng nước thải được chọn lựa là khử trùng bằng Javen. Tác dụng khử trùng của Javen tốt, thuận tiện trong vận hành và an toàn khi sử dụng.

Trong thành phần nước thải y tế có tồn tại một số nhóm chất hữu cơ mạch vòng khó phân hủy bằng phương pháp sinh học thông thường. Do đó để xử lý các ô nhiễm này. Hệ thống xử lý nước thải. Sử dụng bằng phương pháp điện hóa để xử lý. Quá trình điện hóa xảy ra. Khi áp một điện áp DC vào 2 bản cực sẽ sinh ra khí Hidro và Ozone. Hai chất này có tính chất oxi hóa cao phân hủy cắt mạch các ô nhiễm hữu cơ mạch vòng. Tạo điều kiện cho quá trình phân hủy sinh học phía sau. Công nghệ này vận hành khá đơn giản. Điện cực sử dụng là Grafit không tan trong môi trường điện hóa nước thải. Quá trình điện hóa xảy ra như sau. Khi áp một điện áp DC vào 2 bản cực xảy ra quá trình điện phân.

Trong quá trình điện phân này sẽ sinh ra khí H₂ và gốc OH. Cả hai chất này đều là chất oxi hóa rất mạnh có công dụng xử lý ô nhiễm trong nước thải.

Quá trình xử lý này không sử dụng hóa chất. Không làm tăng chi phí vận hành HTXLNT của phòng khám.

Để phân huỷ các chất ô nhiễm hữu cơ, công nghệ xử lý đơn giản và tiết kiệm nhất là công nghệ sinh học. Công nghệ này vừa không tốn nhiều hoá chất, vừa đảm bảo vận hành dễ dàng.

Quá trình phân huỷ các chất hữu cơ ở đây được chọn lựa là công nghệ phân huỷ nhờ vi sinh thiếu khí bám dính thành màng trên vật liệu giá thể cố định có diện tích bề mặt lớn. Phương pháp này nhằm tăng cường mật độ vi sinh phân huỷ các chất hữu cơ trong nước thải.

- Vi sinh phát triển trên giá thể có bề mặt riêng rất lớn (200 – 250m²/m³) dưới dạng dính bám thành màng mỏng nên mật độ vi sinh trong bể rất cao, tốc độ phân huỷ rất nhanh gấp 3-4 lần so với phân huỷ sinh học thông thường, giúp giảm được kích thước bể với số lần tương ứng, thuận tiện trong vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa.

- Giá thể có vi sinh dính bám dày đặc trong bể tạo nên một lớp lọc sinh học rất hiệu quả trong việc giữ lại các chất ô nhiễm nên vận tốc phân huỷ sinh học xảy ra nhanh và hiệu quả cao.

- Quá trình tạo ra bùn ở bể thiếu khí cũng ít hơn do các bùn vi sinh đã bám dính gần như hoàn toàn trên lớp lọc sinh học. Vì vậy lượng bùn tạo ra ít nên không cần phải đầu tư máy ép bùn, mà chỉ cần định kỳ được hút đi thải bỏ.

Thiết bị lọc áp được lắp đặt than hoạt tính, cát, sỏi lọc có tác dụng xử lý các ô nhiễm TSS.

Nước thải sau khi đi qua thiết bị lọc sẽ được khử trùng. Hệ thống được thiết kế hoạt động tự động. Chất lượng nước thải sau xử lý ổn định đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, (Cột B, K=1,2) trước khi xả thải vào cống công cộng trên đường 2/9.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý

Quá trình hoạt động của Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu không phát sinh khí thải công nghiệp. Do đó, cơ sở không lắp đặt công trình thu gom khí thải công nghiệp.

2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

a) Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông

- Sân và đường nội bộ được bê tông hóa, giảm thiểu phát sinh bụi từ mặt đường khi có phương tiện di chuyển.
- Định kỳ vệ sinh sân và đường nội bộ với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

b) Giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi, hơi hóa chất và máy móc, thiết bị y tế

- Hơi hóa chất, dung môi bay hơi..... sinh ra từ các khu vực phòng khám, điều trị, phòng xét nghiệm,... được kiểm soát ở mức cho phép bằng cách trang bị hệ thống thông gió hiệu quả, hoạt động liên tục với lưu lượng luôn đảm bảo khả năng trao đổi 20 - 40 lần khí sạch với bên ngoài (quạt cây, máy lạnh).

- Tăng cường công tác vệ sinh phòng khám và những nơi phát sinh mùi hôi, đặc biệt là khu vực nhà vệ sinh, thùng chứa CTR.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ, nhân viên y tế.

- Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra, bảo trì và bảo dưỡng trang thiết bị y tế tại phòng khám.

- Thực hiện đầy đủ chế độ hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị y tế theo đúng quy định hiện hành.

c) Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

- Thực hiện đầy đủ công tác bảo trì, kiểm tra, sửa chữa hư hỏng (nếu có), đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng và giảm phát sinh khí thải.

- Vị trí bố trí máy phát điện dự phòng đảm bảo khoảng cách an toàn với các phòng chức năng, hạn chế được tối đa ảnh hưởng của khí thải và tiếng ồn.

- Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế, khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm giảm tối đa nồng độ ô nhiễm trong khí thải.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Số lượng thiết bị, phương tiện thu gom và lưu chứa CTR thông thường được trang bị tại cơ sở như sau:

- Bố trí 4 thùng rác nhựa HDPE tại khu vực tại mỗi phòng khám điều trị để thu gom rác thải thông thường phát sinh.

- Bố trí 01 thùng rác nhựa HDPE 240 lít tại khu vực phía trước phòng khám để thu gom tập kết rác thải thông thường phát sinh tại phòng khám.



Hình 5. Một số hình ảnh thùng chứa chất thải rắn thông thường tại phòng khám

3.2. *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, ...: Bao bì chứa thức ăn, thức ăn thừa, ...
- Chất thải phát sinh từ hoạt động văn phòng: Giấy vụn, bao bì carton, ...
- Chất thải rắn y tế thông thường.
- Khối lượng CTR thông thường phát sinh tại Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu khoảng 130 kg/tháng.

3.3. *Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường tại cơ sở*

- Các loại có thể tái chế (thùng giấy, bao nilon, giấy...) được nhân viên thu gom sau đó bán phế liệu.
- Các loại không tái chế chủ cơ sở đã ký kết hợp đồng số 150/2023/HĐTĐ – HTX ngày 30/12/2022 với HTX xây dựng - Môi trường Trà Vinh để thu gom, vận chuyển và xử lý rác phát sinh tại cơ sở (*Hợp đồng đính kèm phụ lục báo cáo*).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. *Công trình lưu trữ chất thải nguy hại*

- Bố trí thiết bị lưu chứa CTNH:
 - + Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.
 - + Bố trí 06 thùng rác nhựa HDPE màu vàng và màu đen có nắp đậy kín tại các phòng điều trị để chứa chất thải nguy hại.
 - Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - + Kết cấu xây dựng của khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại cụ thể như sau:
 - Nền bằng bê tông kiên cố, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
 - Vách tường bằng bê tông kiên cố, mái lợp tole. Đảm bảo chất thải không bị tác động bởi yếu tố thời tiết (nắng, mưa,...).
 - Bên trong có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa và loại/mã chất thải được lưu trữ.



Hình 6. Một số hình ảnh thùng phân loại chứa chất thải nguy hại và chất thải y tế của phòng khám

4.2. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Phòng khám đã ký kết hợp đồng số 50R/2023/HĐKT ngày 21/6/2023 với Bệnh viện sản – nhi Trà Vinh thu gom, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất thu gom chất thải 48 giờ thu gom lần.

4.3. *Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh*

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở khoảng 84 kg/năm bao gồm các loại được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 6. Khối lượng của từng loại chất thải nguy hại

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại
I. Chất thải lây nhiễm							
13 01 01	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	18 01 03 18 01 01	A4020	Y1	LN	Rắn/lỏng	NH
II. Chất thải không lây nhiễm							
13 01 03	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	18 01 08	A4010	Y2 Y3	Đ	Rắn/lỏng	NH
13 03 02	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)				Đ, ĐS	Rắn	NH
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	NH
16 01	Pin, ắc quy thải	20 01 33	A1160	Y26	Đ, ĐS,	Rắn	NH

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại
12			A1170	Y29 Y31	AM		

(Đơn vị tư vấn tổng hợp)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Xây dựng hàng rào xung quanh khu vực Phòng khám, nhằm hạn chế lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.
- Phòng khám hoạt động từ 7 giờ đến 11 giờ và 13 giờ đến 17 giờ nên hạn chế tối đa tiếng ồn của cơ sở vào giờ nghỉ của hộ dân xung quanh.
- Đối với máy phát điện dự phòng:
 - + Chỉ sử dụng khi mạng lưới điện gặp sự cố tạm thời.
 - + Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra, bảo trì và bảo dưỡng máy phát điện.
- Vị trí bố trí máy phát điện dự phòng đảm bảo khoảng cách an toàn với các phòng chức năng, hạn chế được tối đa ảnh hưởng của tiếng ồn.
- Sử dụng các thiết bị tại cơ sở có công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm đảm bảo được chất lượng các dịch vụ và giảm thiểu được tối đa phát sinh các tác động đến môi trường, đặc biệt là tiếng ồn.

b) Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Cơ sở có Biên bản kiểm tra An toàn về PCCC, ngày 22/04/2022 xác nhận tại thời điểm kiểm tra cơ sở có thực hiện các biện pháp về PCCC theo quy định.
- Tại cơ sở bố trí các bình chữa cháy theo đúng quy định của Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định số 136/NĐ-CP ngày

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “**Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu**”

24/11/2020 của Chính phủ, Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên, định kỳ và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố.
- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy.

Bảng 7. Số lượng bình chữa cháy bố trí tại cơ sở

Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng
Bình CO ₂	04	100%
Nội quy và tiêu lệnh chữa cháy	01	100%

(Nguồn: Công ty TNHH y khoa Phước Hùng, 2023)



Hình 7. Hình ảnh bố trí thiết bị chữa cháy tại cơ sở

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường hệ thống xử lý nước thải

- Công suất hoạt động: Trong quá trình thiết kế đã tính toán đến hệ số an toàn, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả khi phát sinh sự cố.
- Về máy móc và thiết bị:

+ Tại các hệ thống xử lý nước thải được bố trí đầy đủ các loại máy móc và thiết bị nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý của toàn hệ thống.

+ Thực hiện đầy đủ công tác bảo trì thiết bị, hệ thống điện; Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị theo quy định/hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Công tác hướng dẫn vận hành, đào tạo chuyển giao công nghệ: Sau khi vận hành nghiệm thu hệ thống, nhân viên phụ trách quản lý và vận hành hệ thống XLNT đã được chuyển giao công nghệ và nắm vững quy trình vận hành.

* Công trình, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải là một phần của hệ thống xử lý nước thải nhằm bảo đảm không xả nước thải chưa được xử lý ra môi trường trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, cụ thể như sau:

- Trong trường hợp cả hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố (sự cố tủ điện điều khiển, cháy nổ,...) thực hiện ngay các biện pháp điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm để giảm thiểu nước thải phát sinh trong thời gian khắc phục sự cố.

- Sau khi hoàn thành công tác khắc phục hệ thống XLNT: Phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K = 1,2).

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải y tế và nước thải sinh hoạt.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 01m³/ngày.đêm
- Dòng nước thải: một dòng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải được xả ra môi trường tiếp nhận nước thải.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

Bảng 8. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C Cột B	Giá trị C _{max}
1	Độ pH	-	6,5 - 8,5	6,5 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	50	60
3	COD	mg/l	100	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/l	4	4,8
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	10	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	50	60
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10	12
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	24
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	KPH

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C Cột B	Giá trị C _{max}
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH	KPH

- Vị trí xả nước thải: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý được xả thải vào cống thoát nước công cộng trên đường 2/9 thuộc Khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với tọa độ (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiếu 3⁰) như sau:

+ Tọa độ X = 109 2007

+ Tọa độ Y = 592 700

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước công cộng trên đường 2/9.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không có

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Công ty TNHH y khoa Phước Hùng phối hợp với Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí và nước thải tại Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu cụ thể như sau:

- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

+ Địa chỉ: số 115, đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở trong cụ thể như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

- Vị trí lấy mẫu:

+ Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (NT1)

+ Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước (NT2)

- Ngày lấy mẫu: 16/08/2023

Bảng 9. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột B, K=1,2)
			NT1	NT2	
1	Độ pH	-	6,85	7,10	6,5 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	76,5	29,6	6,5 - 8,5
3	COD	mg/l	150	50	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	63,6	30	120

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột B, K=1,2)
			NT1	NT2	
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	2,50	0,740	120
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	6,53	1,98	4,8
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	24,5	12	12
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	7,10	2,20	60
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,20	KPH	12
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	6.500	1.500	5.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	KPH	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	KPH	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH	KPH	KPH

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

❖ Ghi chú: QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K=1,2).

Như vậy, kết quả quan trắc nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tại Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu cho thấy hệ thống xử lý nước thải tại phòng khám được xử lý triệt để các chất ô nhiễm có trong nước thải. Tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1,2).

2. Kết quả quan trắc môi trường không khí

- Vị trí lấy mẫu:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”

- + Khu vực sảnh chính phòng khám (KK1)
- + Không cách phòng khám khoảng 100m theo hướng gió (KK2)
- Ngày lấy mẫu: 16/8/2023

Bảng 10. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí của cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
			KK1	KK2		
1	Tiếng ồn	dBA	68,3	64,9	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,060	0,080	0,3	-
3	NO ₂	mg/m ³	0,066	0,068	0,2	-
4	SO ₂	mg/m ³	0,074	0,079	0,35	-

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

*** Ghi chú:**

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 06 giờ đến 21 giờ);
- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

Nhận xét: Môi trường không khí khu vực sảnh chính phòng khám và không khí khu vực cách phòng khám khoảng 100m theo hướng gió có chất lượng tốt, tất cả các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu”



Hình 8. Hình ảnh thu mẫu môi trường tại thời điểm lập báo cáo

**Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Căn cứ theo khoản 4 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải có công suất 1m³/ngày.đêm sau khi được cấp giấy phép môi trường.

Thời gian bắt đầu và kết thúc vận hành thử nghiệm: từ ngày 27/03/2024 – 27/06/2024.

1.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định quy định tại khoản 4 Điều này (dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Bảng 11. Kế hoạch quan trắc nước thải đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải đã hoàn thành

STT	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số thử nghiệm	Loại mẫu
1	27/5/2023	- Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải - Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải	pH, TSS, BOD ₅ , COD, H ₂ S, Amoni, Nitrat, Photphat, Dầu mỡ động - thực vật, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae	Mẫu đơn
2	28/5/2023	Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải		
3	29/5/2023			

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Công văn số 964/KSONMT-CN&NH ngày 11/4/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải; Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Căn cứ theo Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Căn cứ theo kết quả đánh giá, dự báo các nguồn thải phát sinh từ Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu, thì cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

a) Quan trắc môi trường không khí

- Vị trí quan trắc:
- + Khu vực sảnh chính phòng khám
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO₂, NO₂.
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Quan trắc môi trường nước thải

- Vị trí quan trắc: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý
- Tần suất: 06 tháng/lần
- Thông số: pH, TSS, BOD₅, COD, H₂S, Amoni, Nitrat, Photphat, Dầu mỡ động - thực vật, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, (cột B, K = 1,2).

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc Công ty TNHH y khoa Phước Hùng và đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại cơ sở được dự toán cụ thể như sau:

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Nước thải				6.867.398
1	pH	Mẫu	2	63.567	127.134
2	TSS	Mẫu	2	219.403	438.806
3	BOD ₅	Mẫu	2	184.232	368.464
4	COD	Mẫu	2	195.775	391.550
5	Phosphat	Mẫu	2	271.234	542.468
6	H ₂ S	Mẫu	2	212.872	425.744
7	Nitrat	Mẫu	2	317.654	635.308
8	Amoni	Mẫu	2	189.193	378.386
9	Dầu mỡ ĐTV	Mẫu	2	467.926	935.852
10	Coliforms	Mẫu	2	816.843	1.633.686
11	Salmonella	Mẫu	2	165.000	330.000
12	Shigella	Mẫu	2	165.000	330.000
13	Vibrio cholerae	Mẫu	2	165.000	330.000
II	Không khí				3.453.312
1	Tiếng ồn	Mẫu	2	127.110	254.220
2	Bụi	Mẫu	2	262.620	525.240
3	NO ₂	Mẫu	2	440.948	881.896

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của cơ sở “**Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu**”

4	SO ₂	Mẫu	2	895.978	1.791.956
<i>III</i>	<i>Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường</i>				<i>5.000.000</i>
<i>IV</i>	<i>Thuê đơn vị hút bùn</i>				<i>10.000.000</i>
<i>Tổng dự toán</i>					<i>25.320.710</i>

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đến nay, Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu có tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường ngày 26/6/2023. Phòng khám đã tiến hành khắc phục các yêu cầu của tổ kiểm tra và báo cáo về phòng Tài nguyên và Môi trường.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty TNHH y khoa Phước Hùng cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường tại Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu.

- Công ty TNHH y khoa Phước Hùng cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại Phòng khám đa khoa Sài Gòn Phước Hậu đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng hầm tự hoại và thuê đơn vị hút hầm định kỳ.

+ Đối với nước thải y tế được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,2) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là cống công cộng trên đường 2/9.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, đảm bảo nước mưa không bị ô nhiễm khi xả thải ra môi trường.

+ Đối với chất thải sinh hoạt được cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế: Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải tại nguồn, thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với các nguồn phát sinh tiếng ồn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn. Đảm bảo môi trường không khí đạt:

▪ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

▪ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

+ Đối với chương trình quan trắc môi trường đã đề xuất: Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường và báo cáo về cơ quan quản lý theo đúng quy định.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2100666527

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 04 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 14 tháng 06 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường 2/9, khóm 3, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 081 795 1088 - 02943. 777. 999

Fax:

Email: anhthukg1038@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ 4.000.000.000 đồng

Bảng chữ: Bốn tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH THƯ	Việt Nam	L3-18, đường Phan Thị Ràng, Phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	2.800.000.000	70,000	371166082	
2	HUỶNH PHƯỚC HẬU	Việt Nam	Áp Thanh Trì A, Xã Đa Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam	1.200.000.000	30,000	334370334	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN ANH THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 05/01/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 371166082

Ngày cấp: 22/03/2017 Nơi cấp: Công an Kiên Giang

Địa chỉ thường trú: L3-18, đường Phan Thị Ràng, Phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

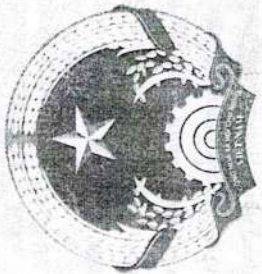
Địa chỉ liên lạc: L3-18, đường Phan Thị Ràng, Phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam



Lê Thanh Tuấn

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Ông: PHẠM VĂN LÝ

Năm sinh: 1950 CMND số: 334146577

Địa chỉ: ấp Thốt Nốt, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

PHẠM VĂN LÝ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

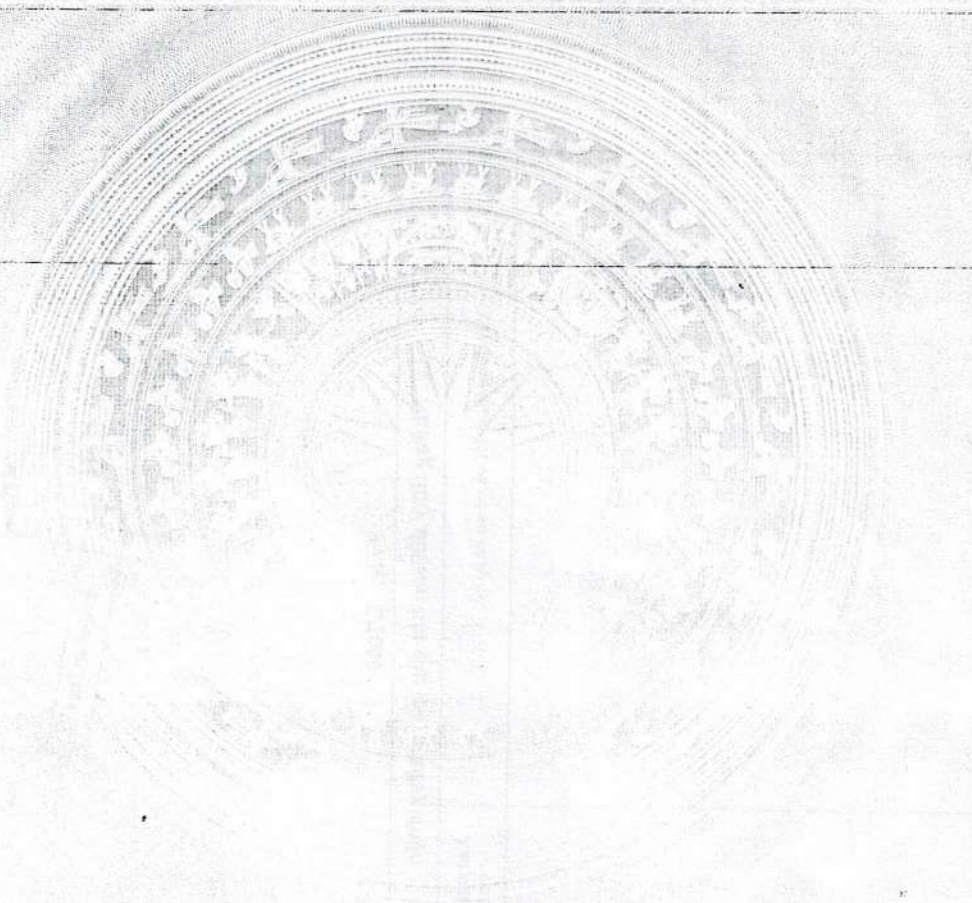


BB 844606

CÔNG CHỨNG VIỆN
Tân Văn Nhàn

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý



2 9 3 7 4 1 0 0 0 3 9 0 0

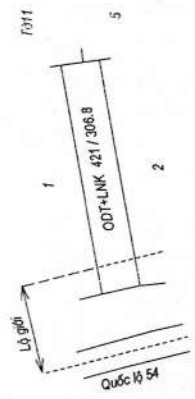
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 421, tờ bản đồ số: 16
 - b) Địa chỉ: Khóm 3, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 - c) Diện tích: 306,8 m², Ba trăm linh sáu phẩy tám mét vuông
 - d) Hình thức sử dụng: riêng 306,8 m², chung Không
 - e) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (120), Đất trồng cây lâu năm khác (186.8)
 - f) Thời hạn sử dụng: Lâu dài (ODI), 12/2043 (LNK)
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất
2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.
6. Ghi chú:
Thửa đất có 36.3m2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/1000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

HƯỚNG THỰC HÀNH SAO ĐUNG VỚI BAN CHINH

chứng thực 9151. Quyển số: 05.SCT/BS

Ngày 15 tháng 12 năm 2020

PHÒNG CÔNG CHỨNG VIÊN

Châu Thành, ngày 25 tháng 5 năm 2010

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nhanh

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Văn Nhanh

Số vào sổ cấp GCN: CH00253

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Chúng tôi gồm có :

Bên cho thuê (sau đây gọi là bên A):

Ông : **PHẠM VĂN LÝ** ; Sinh năm : 1950
CMND số : **334146577** cấp ngày 27/9/2007 tại Công an tỉnh Trà Vinh.
Cùng vợ là bà : **ĐẶNG THỊ HẠNH** ; Sinh năm : 1952
CMND số : **334728105** cấp ngày 05/5/2008 tại Công an tỉnh Trà Vinh.
Cùng địa chỉ : ấp Thốt Nốt, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
thường trú

Bên thuê (sau đây gọi là bên B)

Bà : **NGUYỄN ANH THU** ; Sinh năm : 1988
CMND số : **371166082** cấp ngày 22/3/2017 tại Công an tỉnh Kiên Giang.
Địa chỉ thường trú : L3-18, Phan Thị Ràng, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Hai bên đồng ý việc thuê quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1

TÀI SẢN CHO THUÊ

Bên A đồng ý cho Bên B thuê quyền sử dụng đất:

1. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BB 844606**; Số vào sổ cấp GCN: **CH00253** do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 25/5/2010 cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **421** ; Tờ bản đồ số: **16**
- Địa chỉ thửa đất : Khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Diện tích: **306,8m²** (bằng chữ: Ba trăm linh sáu phẩy tám mét vuông)
- Hình thức sử dụng: riêng: **306,8m²** ; Chung: không m²
- Mục đích sử dụng : Đất ở tại đô thị (120), Đất trồng cây lâu năm (186,8)
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài (ODT); 12/2043 (LNK)
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước Công nhận quyền sử dụng đất
- Ghi chú: Thửa đất có 36,3m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông

2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BB 844607**; Số vào sổ cấp GCN: **CH00254** do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 25/5/2010 cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **2** ; Tờ bản đồ số: **16**
- Địa chỉ thửa đất : Khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Diện tích: **211,2m²** (bằng chữ: Hai mươi một phẩy hai mét vuông)
- Hình thức sử dụng: riêng: **211,2m²** ; Chung: không m²
- Mục đích sử dụng : Đất trồng cây ăn quả lâu năm
- Thời hạn sử dụng: 12/2043
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước Công nhận quyền sử dụng đất
- Ghi chú: Thửa đất có 26,6m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông



ĐIỀU 2
THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 10 (Mười) năm kể từ ngày 02/5/2021.

ĐIỀU 3
MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: *kinh doanh*

ĐIỀU 4
GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:
+ Trong 05 (năm) đầu kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực là: 90.000.000 đồng/năm (bằng chữ: chín mươi triệu đồng Việt Nam trên năm)
+ 05 (Năm) tiếp theo là: 110.000.000 đồng/năm (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng Việt Nam trên năm)
2. Phương thức thanh toán: tiền mặt. Được thanh toán vào ngày 02 tháng 5 hàng năm.
3. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
 - Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào thời điểm ký Hợp đồng
 - Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
 - Nộp thuế sử dụng đất;
 - Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.
2. Bên A có các quyền sau đây:
 - Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;
 - Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;
 - Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

ĐIỀU 6
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;
 - Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
 - Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thoả thuận;
 - Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;
 - Được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất không cần bên A đồng ý bằng văn bản.
 - Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;
2. Bên B có các quyền sau đây:
 - Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thoả thuận;

- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7

TRÁCH NHIỆM NỘP LỆ PHÍ

- Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật do bên B chịu trách nhiệm thực hiện ;
- Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên B chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan

- Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - Thửa đất không có tranh chấp;
 - Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan

- Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chúng tôi đã đọc và đồng ý
 Phạm Văn Sỹ (TP)

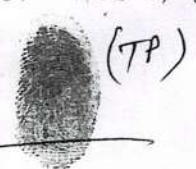


ĐƠN 3 TH HANHT

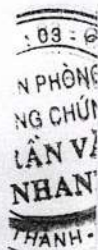
Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chúng tôi đã đọc và đồng ý
 Nguyễn Anh Thu (TP)



Nguyễn Anh Thu



Châu Thành, ngày 9 tháng 3 năm 2021.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 10 /GPXD

1. Cấp cho: **PHẠM VĂN LÝ.**

- Địa chỉ:

+ Số nhà: **ấp Thốt Nốt, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.**

2. Được phép xây dựng công trình (tên công trình): **Nhà ở gia đình.**

- Theo thiết kế có ký hiệu: **KT 01/03 - 03/03; KC 01/01.**

- Do: **Chủ hộ tự thiết kế, lập ngày 12/3/2021.**

- Gồm các nội dung sau: **Nhà chính (XD mới, khung cột BTCT, tường xây gạch, mái tol, nền lát gạch GRANITE, trần thạch cao).**

+ Vị trí xây dựng: Trên lô đất số **421**, Tờ bản đồ số **16**, Diện tích **306,80 m² (ODT 120 m²)**, **Đường 2/9, khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.**

+ Cốt nền xây dựng công trình: **0,30 m** so với mặt vỉa hè.

+ Mật độ xây dựng:....., hệ số sử dụng đất:.....

+ Chi giới đường đỏ, chi giới xây dựng: **Đường 2/9 là 21 m** (theo QH điều chỉnh QH chung XD thị trấn Châu Thành).

+ Màu sắc công trình: **Không được sử dụng màu tối sẫm hoặc quá sặc sỡ.**

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): **119 m²**

+ Tổng diện tích sàn:

+ Chiều cao công trình: **5,80 m** ; Số tầng: **01 tầng**

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: **Giấy chứng nhận QSD đất số CH00253 ngày 25/5/2010 của UBND huyện Châu Thành. TLBĐ địa chính: theo giấy chứng nhận QSD đất** (khi khởi công xây dựng, đề nghị chủ công trình phối hợp với các hộ có thửa đất giáp cận để định vị công trình nhà ở phù hợp theo kích thước hiện trạng thửa đất đang sử dụng và chi giới xây dựng đã nêu ở phần trên. Đồng thời phải phù hợp với kích thước, vị trí thửa đất đã thể hiện trên giấy chứng nhận QSD đất).

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. / *nghe*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chạch Chiên

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.



CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
CÔNG AN HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Hồi 09 giờ 00 phút ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Phước Hậu thuộc Công ty TNHH Y Khoa Phước Hùng địa chỉ: Khóm 3, TT Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Chúng tôi gồm:

*** Đại diện: Công an huyện Châu Thành**

- Ông: Nguyễn Văn Phúc, Cấp bậc: Trung tá, Chức vụ: Đội trưởng.
- Ông: Kiên Chan Đa, Cấp bậc: Thượng úy, Chức vụ: Cán bộ.
- Ông: Lê Thành Nhân, Cấp bậc: Trung úy, Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Phước Hậu thuộc Công ty TNHH Y Khoa Phước Hùng địa chỉ: Khóm 3, TT Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

*** Đại diện: Phòng khám Đa Khoa Sài Gòn Phước Hậu**

- Bà: Nguyễn Anh Thư – Giám đốc.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau

Thực hiện Kế hoạch số 58/KH-CAH, ngày 13/10/2022 của Công an huyện Châu Thành về tổng rà soát, kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn huyện và Thông báo kiểm tra an toàn PCCC và CNCH, ngày 16/11/2022 của Đội CS QLHC về TTXH về việc kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH).

Qua kiểm tra thực tế công tác phòng cháy và chữa cháy tại Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Phước Hậu, đơn vị kiểm tra có một số nhận xét và kết luận sau:

I. Báo cáo tình hình thực hiện công tác PCCC và CNCH của cơ sở:

Đại diện cơ sở, bà Nguyễn Anh Thư báo cáo tổng quan về cơ sở và các điều kiện an toàn PCCC và CNCH. Cơ sở hoạt động từ giữa năm 2022; Báo cáo của cơ sở liên quan đến công tác PCCC và CNCH như: Trang bị các phương tiện PCCC; thành lập Đội PCCC cơ sở; duy trì các điều kiện an toàn PCCC và CNCH trong quá trình hoạt động.

II. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở và hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH:

1. Ban hành quy định, nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC, CNCH:

Cơ sở đã ban hành các Quyết định về việc phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC, CNCH, ban hành nội quy PCCC, CNCH, nội quy sử dụng điện, nội quy sử dụng phương tiện PCCC và CNCH; nội quy có nội dung cơ bản đầy đủ theo quy định, phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của cơ sở; đã niêm yết nội quy, tiêu

lệnh PCCC. Thường xuyên triển khai, phổ biến đến nhân viên, người lao động để chấp hành và thực hiện theo quy định.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH

Theo báo cáo của cơ sở, cơ sở đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH cho nhân viên, người lao động, nội dung tuyên truyền thông qua các hình thức họp triển khai, thông tin nội bộ.

3. Việc chấp hành các quy định về thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp số: 2100666527 đăng ký lần đầu ngày 09/04/2021 đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 14/6/2021; cơ sở không thuộc đối tượng thẩm duyệt thiết kế về PCCC (diện tích xây dựng 300 m²).

4. Việc thành lập, kiện toàn, tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, trang bị phương tiện PCCC và CNCH, phân công nhiệm vụ CNCH cho lực lượng PCCC cơ sở và duy trì hoạt động của Đội PCCC cơ sở

- Cơ sở đã ban hành Quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở gồm 10 thành viên, trong đó có 01 đội trưởng, 01 đội phó và 08 thành viên. Thành viên Đội PCCC cơ sở đảm bảo số lượng và thành phần theo quy định. Đã phân công nhiệm vụ CNCH cho lực lượng PCCC cơ sở.

- Đội PCCC cơ sở đã được huấn luyện, kiểm tra, cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH theo quy định.

5. Việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm và báo cáo về PCCC và CNCH: Cơ sở đã tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC và CNCH, định kỳ 06 tháng cuối năm 2022 đã gửi báo cáo công tác tự kiểm tra an toàn PCCC và CNCH về Công an huyện Châu Thành đảm bảo theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

6. Việc xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, CNCH:

- Cơ sở đã xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu PC17 ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và đã được Công an huyện Châu Thành phê duyệt theo quy định.

- Cơ sở xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

- Trong năm 2022 cơ sở đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điểm a Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP theo quy định (đã thực hiện trong tháng 10/2022).

7. Kiểm tra thành phần hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH và công tác thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về CNCH: Cơ sở cập nhật, bổ sung và lưu trữ hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH đảm bảo theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và các văn bản thực hiện có liên quan.

8. Kiểm tra việc thống kê, theo dõi trang bị hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH

Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở đã trang bị các hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH gồm:

- Có trang bị bình chữa cháy gồm: 02 bình MFZ4, 02 bình MT3. Định kỳ có kiểm tra, bảo dưỡng theo quy định.

- Đã lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn (02 đèn chiếu sáng sự cố, 02 đèn chỉ dẫn thoát nạn).

- Cơ sở đã lập sổ theo dõi phương tiện PCCC theo mẫu quy định tại TCVN 3890:2009 và Thông tư số 17/2021/TT-BCA.

III. Kiểm tra thực tế các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

1. **Đặc điểm xây dựng:** Cơ sở quy mô nhà trệt, diện tích 300m² được xây dựng bằng bê tông cốt thép, tường chịu lực...; 02 cửa chính (thoát nạn) chiều rộng 2,5m - 3m, chiều cao $\geq 2,2$ m; Lối đi lại, lối thoát nạn $\geq 0,8$ m: Tại thời điểm kiểm tra đảm bảo thoát nạn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

2. **Giao thông, nguồn nước, phục vụ chữa cháy:** Cơ sở nằm tiếp giáp đường 2/9 rộng ≥ 8 m thuận tiện cho xe chữa cháy tiếp cận. Nguồn nước phục vụ chữa cháy chủ yếu là từ kênh đa lộc nằm bên ngoài cơ sở cách khoảng 500m về hướng đông thuận tiện cho việc chữa cháy và tiếp nước cho xe chữa cháy.

3. **Giải pháp thoát nạn, ngăn cháy lan, bố trí công năng sử dụng của các hạng mục trong công trình:** Cơ bản đảm bảo theo quy định.

4. **Giải pháp an toàn trong sử dụng hệ thống, thiết bị điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt và bố trí, sắp xếp, vật tư, hàng hóa:** Hệ thống điện được đi nổi tường và đi vào ống nhựa, từng khu vực phòng có bố trí Aptomat đóng ngắt bảo vệ; Quản lý nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC và CNCH.

5. **Việc bố trí, tình trạng hoạt động của các phương tiện PCCC và CNCH được trang bị**

- Tiến hành kiểm tra bình chữa cháy, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: hoạt động đảm bảo.

IV. Nhận xét, kết luận

Tại thời điểm kiểm tra cơ sở duy trì tốt các điều kiện an toàn PCCC và CNCH như hệ thống dây dẫn điện và nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC đối với các mục trong cơ sở; xây dựng hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH theo quy định; Phương tiện dụng cụ PCCC và CNCH đảm bảo theo quy định.

Đề nghị cơ sở tiếp tục quan tâm đảm bảo các điều kiện an toàn PCCC theo quy định của pháp luật.

Biên bản được lập xong hồi 10 giờ 40 phút ngày 18 tháng 11 năm 2022, gồm 02 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ KIỂM TRA



Nguyễn Anh Tuấn

Chau
Chau

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ BỐC TẢI RÁC THẢI SINH HOẠT
Số: 150/2023/HĐTG-HTX

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022, các bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG

- Đại diện là Bà: **Nguyễn Anh Thư**; Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: Đường 2/9, Khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- MST: 2100666527

- Điện thoại: 0294377799; 0817951088

BÊN B: HTX XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH

- Đại diện là Bà: **Huỳnh Thị Tuyết**; Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: 9/91B Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 02943 853123

- Tài khoản: 9101110047979 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Trà Vinh.

- Mã số thuế: 2100570945

- Email: htxxaydungmoitruongtv@gmail.com

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều I. Nội dung công việc:

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom và bốc tải rác thải trong thùng tại khu vực (địa chỉ) bên A.

Điều II: Trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi của mỗi bên:

1. Trách nhiệm bên A:

- Bên A không để thùng rác ở lề đường, làm cản trở lối đi khi phương tiện bên B đến lấy rác. Bên A có trách nhiệm kéo thùng rác ra ngoài để cho bên B bốc rác lên xe. Nếu trong rác thải sinh hoạt có góc động vật thì phải cho vào túi nylon cột kín, cho vào thùng rác chung.

- Tuyệt đối, không đưa chất thải độc hại, chất thải y tế và rác công nghiệp lẫn vào trong rác sinh hoạt. Trường hợp nếu ngành chức năng kiểm tra phát hiện rác trên xe có lẫn chất độc hại, chất thải y tế và rác công nghiệp thì bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện thu gom và bốc tải 01 thùng rác thải sinh hoạt đặt tại Công ty TNHH Y khoa Phước Hùng (*Phòng khám Phước Hậu*) Đường 2/9, Khóm 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (*không thu rác thải y tế*). Nếu phát hiện bên A để rác thải y tế, rác thải độc hại vào thùng rác thì bên B từ chối thu gom, đồng thời báo đến các cơ quan chức năng và bên A chịu toàn bộ chi phí bồi thường thiệt hại.

- Cung cấp hóa đơn GTGT hợp lệ cho bên A.

- Tổ chức thu gom 02 ngày/lần.

Điều III: Giá trị hợp đồng; phương thức thanh toán và thời gian thực hiện:

Giá trị hợp đồng: **300.000 đồng/tháng**. (*Giá đã bao gồm thuế GTGT*)

Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng.

- Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B từ ngày 05 đến 10 tây hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Thời gian thực hiện: Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

Điều V: Điều khoản bổ sung:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có trở ngại, vướng mắc, thì 02 bên phải thông báo cho nhau biết trước ít nhất 10 ngày bằng văn bản, để cùng nhau thỏa thuận giải quyết.

Điều VI: Điều khoản chung:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Thu gom và xử lý chất thải y tế

Số: 50R/2023/HĐKT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 Quy định về Quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;
- Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Căn cứ Công văn số 4029/UBND-KT ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tại các Bệnh viện;
- Căn cứ Giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 27/3/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh;
- Căn cứ Thông báo số 09/TB-BVSN ngày 01/4/2019 của Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh về việc thu gom chất thải y tế nguy hại;
- Căn cứ Đề án số : 05/ĐA-BVSN ngày 15 tháng 5 năm 2019 về triển khai thực hiện thu gom chất thải y tế theo cụm tại Bệnh viện Sản- Nhi Trà Vinh.
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 21 tháng 06 năm 2023 tại Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh chúng tôi gồm có:

BÊN A: BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH

Địa chỉ: Ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943 849 949

Fax: 02943 849 123

Mã số thuế: 2100190904026

Số tài khoản: 126000044681 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Trà Vinh

Đại diện là Ông: **LÊ MINH DŨNG**

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG

Địa chỉ: 2/9 Khóm 3- Thị Trấn Châu thành- Huyện Châu thành- tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0817951088

Đại diện là Bà : **NGUYỄN ANH THU**

Chức vụ: Chủ phòng khám



Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải y tế với các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Bên B đồng ý giao và Bên A đồng ý nhận thu gom và xử lý chất thải y tế lây nhiễm phát sinh sau quá trình hoạt động của Bên B như sau:

1.1/ Chất thải lây nhiễm:

a/ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn bao gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly. Mã chất thải **13 01 01**.

b/ Chất thải giải phẫu bao gồm: Mổ, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm. Mã chất thải **13 01 01**.

c/ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn là chất thải lây nhiễm có thể gây ra các vết cắt hoặc xuyên thủng bao gồm: kim tiêm; bơm liềm kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật và các vật sắc nhọn khác. Mã chất thải **13 01 01**.

1.2/ Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

a/ Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại. Mã chất thải **13 01 02**

b/ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất. Mã chất thải **13 01 03**;

c/ Chất hàn răng amalgam thải bỏ. Mã chất thải **13 01 04**.

d/ Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng. Mã chất thải **13 03 02**.

đ/ Chất thải nguy hại khác gồm:

- Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ. Mã chất thải **16 01 06**.
- Các loại dầu mỡ thải. Mã chất thải **16 01 08**.
- Pin, ắc quy thải bỏ. Mã chất thải **16 01 12**.
- Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại) thải bỏ. Mã chất thải **16 01 13**.

- Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ; chứa các hóa chất độc hại) thải bỏ. Mã chất thải **18 01 01**.

- **Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.** Mã chất thải **18 01 04**.

- Chất hấp thụ, vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải. Mã chất thải **18 02 01**.

- Tro thải từ lò đốt chất thải rắn y tế. Mã chất thải **12 01 05**.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế. Mã chất thải **10 02 03**.

Điều 2: Thời gian và địa điểm tiếp nhận

- Tần suất thu gom chất thải: 48 giờ thu gom lần (Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021).

- Thời gian thu gom chất thải nguy hại (y tế): **Buổi sáng:** Từ 7h30 – 10h30;
Buổi chiều: Từ 13h30 – 16h00.

- Trường hợp Bên B cần thu gom khẩn cấp khi gặp sự cố: Nhân sự phụ trách của Bên B thông báo ngay bằng điện thoại để Bên A lên phương án thu gom và xử lý kịp thời.

- Trong trường hợp phương tiện bên A gặp sự cố đột xuất, Bên A phải thông báo ngay cho bên B biết và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời không để chất thải ứ đọng không làm ảnh hưởng đến an toàn vệ sinh môi trường trong khu vực của bên B.

- Bên B tự vận chuyển rác đã phân loại lên Trung tâm y tế huyện Châu Thành để Bên A thực hiện nhiệm vụ thu gom rác.

Điều 3: Giá trị hợp đồng – Phương thức thanh toán

3.1/Số lượng và đơn giá xử lý:

- Số lượng với mức khoán: 07 kg/tháng

- Đơn giá xử lý: 21.700đ/ kg (7kg x 21.700đ=151.900 đồng/tháng)

- Giá trị hợp đồng: 151.900 đồng x 12 tháng = **1.822.800 đồng.**

(Bằng chữ: Một triệu tám trăm hai mươi hai ngàn tám trăm đồng)

3.2/Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng được hai bên ký kết.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên

4.1/Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A:

- Cử cán bộ tiếp nhận chất thải y tế của Bên B để xử lý.

- Đảm bảo giám sát chặt chẽ các điều kiện kỹ thuật, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xử lý chất thải y tế đúng theo quy định hiện hành của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có quyền từ chối nhận thu gom chất thải y tế khi phát hiện để lẫn các loại chất thải nêu tại điều 1 với nhau, hoặc để lẫn các chất thải nêu tại điều 1 với các chất khác với các loại chất thải có mã chất thải khác với mã chất thải nêu tại điều 1.

- Xuất hóa đơn tài chính cho Bên B khi thu tiền.

- Từ chối xử lý chất thải y tế nếu Bên B không thanh toán chi phí đầy đủ cho Bên A.

- Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với người của Bên B trong quá trình giao nhận chất thải y tế đảm bảo an toàn, hiệu quả (Bên B phải có người giao chất thải, ký sổ và đối chiếu khi giao nhận).

4.2/ Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

- Chịu trách nhiệm phân loại, thu gom và đóng gói riêng từng loại chất thải nêu tại điều 1 đúng theo qui định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021

- Khi thu gom và tập kết chất thải y tế giao cho Bên A, Bên B phải thực hiện phân loại, thu gom chất thải theo qui định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Trường hợp nếu để lẫn lộn mà khi cơ quan chức năng phát hiện thì Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn.

- Thanh toán chi phí xử lý chất thải y tế cho Bên A đúng quy định.

- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có thay đổi thông tin như: tên đơn vị, mã số thuế, địa chỉ viết trên hóa đơn thì Bên A phải thông báo kịp thời cho bên B biết. Trường hợp để xảy ra sai sót, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 5: Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng

Điều 6: Điều khoản chung

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 21/06/2023 đến 20/06/2024.

- Những điều khoản trên hai bên thống nhất làm cơ sở để thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc khó khăn hai bên gặp nhau trao đổi trên tinh thần hợp tác, tôn trọng Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- Sau khi hai bên hoàn thành trách nhiệm của mình, nếu không có gì vướng mắc thì hợp đồng mặc nhiên tự thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Anh Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám Đốc



LÊ MINH DŨNG

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/08/2023

Số: 08.23.1053 - 2

- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **PHÒNG KHÁM ĐA KHOA SÀI GÒN PHƯỚC HẬU**
Đường 2/9, Khóm 3, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành. Tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 16/08/2023 Ngày trả kết quả: 22/08/2023
- Loại mẫu: Không khí Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1608.PHH.KK01	Khu vực sảnh chính phòng khám
1608.PHH.KK02	Khu vực cách phòng khám khoảng 100m theo hướng gió

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

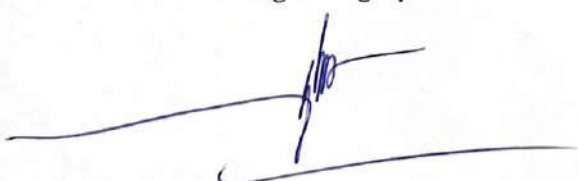
Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995
2.	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995
3.	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số		
	Bụi	SO ₂	NO ₂
1608.PHH.KK01	0,060	0,074	0,066
1608.PHH.KK02	0,080	0,079	0,068

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
 - (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
 - (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
 - (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
 - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Dinh Bảo Loan



Lê Thị Ngọc Huyền

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/08/2023

Số: 08.23.1053 - 1

- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **PHÒNG KHÁM ĐA KHOA SÀI GÒN PHƯỚC HẬU**
Đường 2/9, Khóm 3, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành. Tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 16/08/2023 Ngày trả kết quả: 22/08/2023
- Loại mẫu: **Ồn** Số lượng: **02**
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1608.PHH.KK01	Khu vực sảnh chính phòng khám
1608.PHH.KK02	Khu vực cách phòng khám khoảng 100m theo hướng gió

- Phương pháp quan trắc:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878 – 2:2018

- Kết quả:

Kết quả	Thông số
	Tiếng ồn (dBA)
1608.PHH.KK01	68,3
1608.PHH.KK02	64,9

Ghi chú: – Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

– (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.

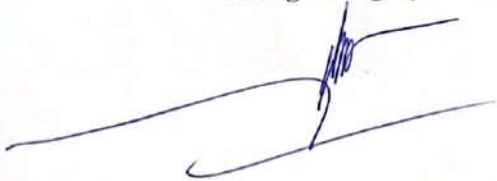
– (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimecert.

– (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

– (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

– Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).

– KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm*Đinh Bảo Liên***Giám đốc PACIFIC***Lê Thị Ngọc Huyền*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/08/2023

Số: 08.23.1053 - 3

- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH Y KHOA PHƯỚC HÙNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **PHÒNG KHÁM ĐA KHOA SÀI GÒN PHƯỚC HẬU**
Đường 2/9, Khóm 3, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành. Tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/
nhận mẫu: 16/08/2023 Ngày trả kết quả: 22/08/2023
- Loại mẫu: Nước thải Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
1608.PHH.NT01	Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước vàng nhạt, ít cặn/2lit
1608.PHH.NT02	Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý		Mẫu nước trong, không cặn/2lit

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả	
				1608.PHH. NT01	1608.PHH. NT02
1.	pH ^(*)	--	TCVN 6492:2011	6,85	7,10
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	63,6	30,0
3.	BOD ₅	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	76,5	29,6
4.	COD	mgO ₂ /L	SMEWW 5220C:2017	150	50,0
5.	NH ₄ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2017	6,53	1,98
6.	NO ₃ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	24,5	12,0
7.	PO ₄ ³⁻	mg/L	TCVN 6202:2008	7,10	2,20
8.	S ²⁻ (*)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	2,50	0,740
9.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,20	KPH (MDL=0,3)

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả	
				1608.PHH. NT01	1608.PHH. NT02
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	6.500	1.500
11.	Salmonella(**)	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260B:2017	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)
12.	Shigella(**)	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)
13.	Vibrio cholerae(**)	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)

Ghi chú: – Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

– (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.

– (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.304

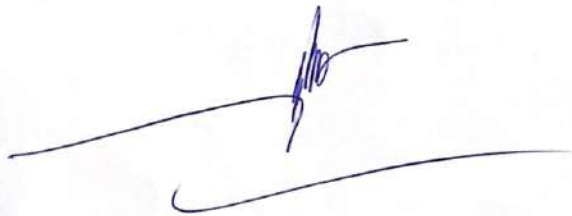
– (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

– (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

– Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).

– KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Dinh Bảo Liên



Giám đốc PACIFIC



Lê Thị Ngọc Huyền



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 303

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Trụ sở chính:

Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Lê Thị Ngọc Huyền Chức vụ: Giám đốc

CCCD số 079193012135 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày tháng năm 2022

Đến ngày tháng năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 03 thông số

2. Khí

- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 08 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 15 thông số	Đo tại hiện trường: 12 thông số

3. Đất:

Lấy mẫu: 01 thông số

4. Trầm tích:

Lấy mẫu: 01 thông số

5. Bùn thải:

Lấy mẫu: 01 thông số

6. Chất thải rắn:

Lấy mẫu: 01 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	36 thông số
- Nước dưới đất:	33 thông số
- Nước biển:	22 thông số
- Nước thải:	32 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	07 thông số
- Khí thải:	12 thông số

3. Đất:

14 thông số

4. Trầm tích:

10 thông số

5. Bùn thải:

12 thông số

6. Chất thải rắn:

11 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Địa chỉ: Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường** (Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Số đăng ký: 303/TN-QTMT.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “**Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC**”, địa chỉ tại Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **303/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 303**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CỦA CƠ SỞ

Hướng đi huyện Trà Cú

Hướng đi Trung tâm TP. Trà Vinh

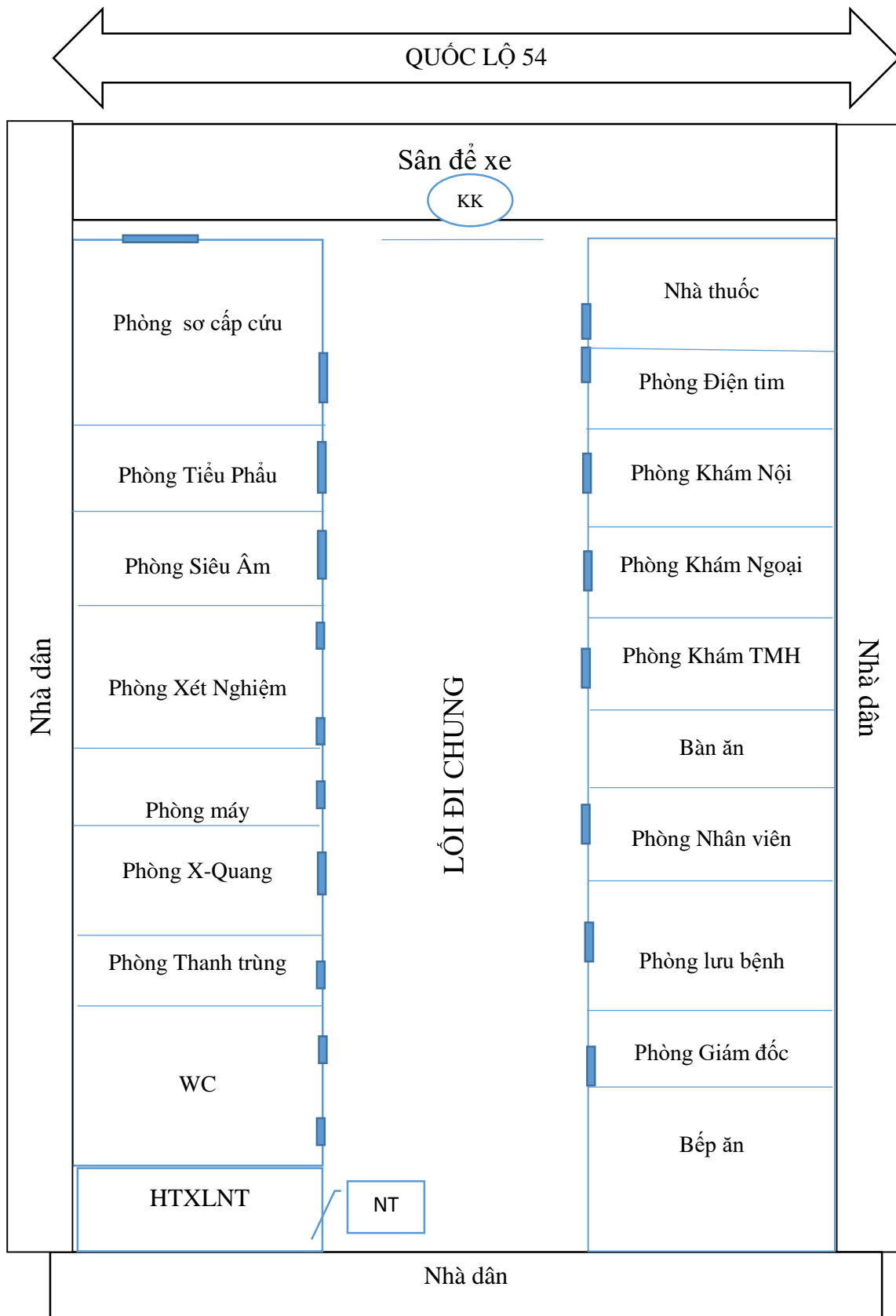
QUỐC LỘ 54



SƠ ĐỒ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Hướng đi huyện Trà Cú

Hướng đi Trung tâm TP. Trà Vinh



KK: Không khí Khu vực sảnh chính phòng khám

NT: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý